

Số: 630/2022/HC-PT

Ngày: 29/12/2022

V/v: *Khiếu kiện quyết định hành chính*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI**

-Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Phương Hạnh;

Các Thẩm phán:

Ông Vũ Minh Tuấn;

Ông Đặng Văn Hưng.

-Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thu Hoài, Thẩm tra viên Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa:
Bà Vũ Thị Thúy - Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 29 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 154/2022/TLPT-HC ngày 27 tháng 4 năm 2022 về việc “Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực chế độ, chính sách đối với người có công” do có kháng cáo của người bị kiện, kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ đối với Bản án hành chính sơ thẩm số 19/2021/HC-ST ngày 29 tháng 9 năm 2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11833/2022/QĐ-PT ngày 13 tháng 12 năm 2022, giữa các đương sự:

*** Người khởi kiện:** Ông Đỗ Trọng N, sinh năm 1949; địa chỉ: Khu 22, xã Hanh C, huyện Thanh B, tỉnh Phú Thọ; có mặt.

*** Người bị kiện:** Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh Phú Thọ.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Hoàng Công T - Phó Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh Phú Thọ; vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

Thanh tra Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Đăng T1 - Trưởng phòng Thanh tra chính sách người có công, Thanh tra Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội; vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện ngày 09/3/2020; ngày 01/6/2021 và quá trình tố tụng, Người khởi kiện là ông Đỗ Trọng N trình bày:

Ngày 13/5/1972 ông nhập ngũ, ngày 06/8/1972 vào Nam chiến đấu. Trong thời gian tham gia chiến đấu, ông đã bị thương ở bả vai. Năm 1973, ông được đơn vị cho đi học lớp hạ sĩ và được làm tiểu đội trưởng. Năm 1974 ông tham gia chiến đấu và tiếp tục bị thương ở phần đùi, mông, hiện mảnh kim khí vẫn còn trong cơ thể. Năm 1976, ông xuất ngũ trở về địa phương. Ngày 20/3/2002, ông được Nhà nước cấp Giấy chứng nhận Thương binh số k2/AQ 52192CM-1636, tỉ lệ thương tật 21% và thương tật hạng 4.

Ngày 27/6/2012, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh Phú Thọ ban hành Quyết định số 11/QĐ-SLĐTBXH tạm dừng trợ cấp và các quyền lợi ưu đãi đối với Thương binh đối với ông với lý do: Giấy tờ có nghi vấn tẩy xóa nội dung cũ, viết lại nội dung mới. Ông đã làm đơn gửi các cơ quan nhưng không được giải quyết. Ngày 21/10/2019, ông nhận được Văn bản số 1981/SLĐTBXH-NCC ngày 21/10/2019 của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh Phú Thọ về việc giải quyết đơn ông có nội dung cho rằng hồ sơ của ông bị viết chèn, đề nội dung cũ bằng nội dung mới cụ thể kết luận giám định kỹ thuật hình sự xác định trên giấy chứng nhận bị thương ngày 21/6/1976 cấp cho ông N có sự tô viết lại từ chữ “Đỗ Trọng N1” thành “Đỗ Trọng N” và trên Quyết định phục viên số 173 ngày 31/12/1977 có sự sửa từ “Đỗ Trọng N1” thành “Đỗ Trọng N” và không đúng tên đơn vị công tác từ E3 thành E8 nên ông không được xem xét khôi phục lại chế độ.

Ông cho là một kết luận sai trái vì ông đã cung cấp 01 bộ hồ sơ đầy đủ và đúng quy định của pháp luật để hưởng chế độ Thương binh gồm: Giấy chứng nhận bị thương, biên bản giám định thương tật của Hội đồng y khoa, Quyết định phục viên số 173 ngày 31/12/1977 và một số giấy tờ liên quan khác. Toàn bộ hồ sơ của ông đều được cơ quan có thẩm quyền cấp, thời điểm chiến tranh và chiến tranh mới kết thúc nên việc lưu giữ và bảo quản hồ sơ vẫn còn sơ sài, có những sai sót là không thể tránh khỏi. Tên của ông là “Đỗ Trọng N” trên Giấy chứng nhận bị thương đề ngày 21/6/1976 là có sự nhầm lẫn. Việc này ông không biết và không phải lỗi của ông. Ngoài ra, tên đơn vị công tác trên Giấy chứng nhận bị thương ghi “C7 D8 E3” còn trên Quyết định phục viên ghi “C7 D8 E8”. Nhìn cảm quan có thể thấy số 8 bị phai mờ nhìn giống số 3 hoặc số 3 thiếu nét nhìn giống số 8. Ông không phải là người viết nên việc sai sót nhầm lẫn này là do khách quan. Cứ cho rằng có sự nhầm lẫn nhưng không thể làm mất những vết thương còn trên người ông.

Mặc dù trên giấy chứng nhận bị thương và quyết định phục viên tuy có những lỗi sai về chính tả, nhưng các thông tin khác về ông không sai. Tên và địa chỉ của ông trùng khớp với các giấy tờ nhân thân khác. Trên sổ quân nhân phục viên chuyển ngành, lý lịch quân nhân và các giấy tờ khác đều khẳng định ông nhập ngũ tháng 5 năm 1972, ông tham gia phục vụ trong quân đội. Vì vậy, việc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh Phú Thọ dừng trợ cấp với ông là sai.

Tháng 7 năm 2015, ông nhận được Văn bản số 564/BTL-CCT ngày 31/7/2015 của Bộ Tư lệnh Quân khu 2 về việc đề nghị tiếp tục chi trả chế độ ưu đãi Thương binh. Ngày 02/11/2015, ông nhận được Thông báo số 3114/PCT-BCS về việc đề nghị tiếp tục chi trả chế độ trợ cấp ưu đãi Thương binh có nội dung ngày 13/8/2015 BCHQS tỉnh Phú Thọ có Công văn số 2365/BCH-PCT gửi Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh Phú Thọ về việc đề nghị tiếp tục chi trả chế độ trợ cấp ưu đãi Thương binh đối với số 323 trường hợp (có danh sách kèm theo). Theo kết luận giám định y khoa, ông có 1 dị vật cản quang ở đoạn 1/3 trên xương đùi phải. Như vậy, qua quá trình giám định vết thương và thẩm định lại hồ sơ ông đủ điều kiện để được khôi phục chế độ trợ cấp ưu đãi. Nhưng từ khi nhận được thông báo đến nay là 05 năm ông không nhận được thông tin gì về việc chi trả trợ cấp. Từ năm 2015 sau khi hồ sơ của ông được thẩm định lại và vết thương được giám định lại thì BCHQS tỉnh Phú Thọ đã có văn bản đồng ý tiếp tục chi trả trợ cấp cho ông. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh Phú Thọ không tiến hành chi trả cho ông là không đúng quy định của pháp luật. Ngày 09/3/2020, ông đã có đơn khởi kiện đề nghị huỷ Văn bản số 1981/SLĐTBXH-NCC ngày 21/10/2019 của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh Phú Thọ về việc giải quyết đơn ông Đỗ Trọng N, nhưng đến ngày 14/5/2020 sau khi làm việc với BCHQS tỉnh Phú Thọ, BCHQS huyện Thanh Ba và UBND xã Hanh Cù đã thống nhất đề nghị cấp trên xem xét tháo gỡ giải quyết cho ông được tiếp tục hưởng trợ cấp nên ông đã rút đơn khởi kiện. Ngày 19/5/2020, Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ đã ban hành Quyết định số 08/2020/QĐST-HC đình chỉ giải quyết vụ án hành chính. Nhưng đến nay ông không nhận được bất kỳ phản hồi của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh Phú Thọ giải quyết khôi phục chế độ Thương binh cho ông trong khi ông cống hiến cả tuổi trẻ chiến đấu vì đất nước, nay lại bị lãng quên, không được nhận trợ cấp của Nhà nước. Ông đề nghị huỷ Văn bản số 1981/SLĐTBXH-NCC ngày 21/10/2019 của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh Phú Thọ về việc giải quyết đơn ông Đỗ Trọng N, phục hồi lại chế độ Thương binh cho ông.

Người bị kiện là Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh Phú Thọ trình bày:

Căn cứ Kết luận thanh tra số 106/KL-TTr ngày 10/5/2012 của Chánh Thanh tra Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc thực hiện chính sách ưu đãi người có công với cách mạng tại tỉnh Phú Thọ, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh Phú Thọ đã ban hành Quyết định số 11/QĐ-LĐTBXH ngày

27/6/2012 về việc tạm dừng chế độ trợ cấp và các quyền lợi ưu đãi Thương binh đối với ông Đỗ Trọng N kể từ ngày 01/7/2012 với lý do: Giấy tờ có nghi vấn tẩy xóa nội dung cũ, viết lại nội dung mới. Thanh tra Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội tiến hành trưng cầu Phòng Giám định - Kỹ thuật hình sự, Bộ Quốc phòng giám định tài liệu gốc của 41 trường hợp. Sau khi có kết quả giám định, Thanh tra Bộ sẽ kiến nghị biện pháp xử lý đối với từng trường hợp cụ thể (tiết a, điểm 1.3.1, khoản 1.3, mục 1, phần II).

Ngày 15/11/2012, Thanh tra Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội có Văn bản số 403/TTr-NCC kiến nghị biện pháp xử lý tiếp theo Kết luận thanh tra số 106/KL-TTr ngày 10/5/2012 của Chánh Thanh tra Bộ. Thanh tra Bộ kết luận sau khi giám định kỹ thuật hình sự có 31 trường hợp giả mạo giấy tờ để hưởng chế độ Thương binh. Kết quả giám định cụ thể đối với trường hợp của ông Đỗ Trọng N (STT 23, Biểu số 1) như sau:

“Kết quả giám định kỹ thuật hình sự, chứng minh các dấu hiệu bất thường trên Giấy chứng nhận bị thương đề ngày 21/6/1976 và Quyết định phục viên số 173 đề ngày 31/12/1977 ghi cấp cho ông Đỗ Trọng N, khẳng định:

- Trên Giấy chứng nhận bị thương đề ngày 21/6/1976:

- + Tại mục ghi đồng chí “Đỗ Trọng N” ở dòng 3 có sự tô viết lại từ chữ “Đỗ Trọng N1”.

- + Phần tổ chức giấy ở lề trái gần mục “các vết thương” và tại góc dưới bên trái bị tẩy xóa và xé rách mất thông tin.

- Trên Quyết định phục viên số 173 đề ngày 31/12/1977:

- + Tại mục nay chuẩn y cho đồng chí “Đỗ Trọng N” ở dòng 2 được sửa từ chữ “Đỗ Trọng N1”.

- + Tại điều 2 còn ghi đơn vị đã giải quyết mọi quyền lợi “Phục viên” cho đồng chí “N1”.

- + Tại điều 3 ghi những người chịu trách nhiệm thi hành có ghi “đ/c N1”.

- Tên đơn vị công tác trên Giấy chứng nhận bị thương ghi “C7 D8 E3”, trên Quyết định phục viên ghi “C7 D8 E8”.

Đồng thời, đề nghị Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh Phú Thọ ban hành Quyết định đình chỉ trợ cấp và thu hồi số tiền đã hưởng sai quy định.

Ngày 07/10/2019, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội nhận được Văn bản số 696/VP-KGVX của Văn phòng UBND tỉnh về việc chuyển đơn ông Đỗ Trọng N, nội dung đơn: Đề nghị xem xét khôi phục chế độ Thương binh.

Căn cứ Kết luận thanh tra số 106/KL-TTr ngày 10/5/2012, Văn bản số 403/TTr-NCC ngày 15/11/2012 của Thanh tra Bộ Lao động - Thương binh và Xã

hội. Văn bản số 5360/TB-LĐTBXH ngày 21/12/2018 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội thông báo kết luận Hội nghị tổng kết chương trình phối hợp thanh tra việc xác nhận hồ sơ Thương binh giữa Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và Tổng cục Chính trị Quân đội nhân dân Việt Nam, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội đã có Văn bản số 1981/SLĐTBXH-NCC ngày 21/10/2019 trả lời ông N theo nội dung kết luận của Thanh tra Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, đồng thời hướng dẫn ông N nếu bổ sung được hồ sơ, tài liệu gốc có ghi bị thương, đảm bảo tính pháp lý, đề nghị ông liên hệ với Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh Phú Thọ để được hướng dẫn lập hồ sơ mới theo quy định. Hiện nay ông N chưa bổ sung được hồ sơ, tài liệu gốc có ghi bị thương, đảm bảo tính pháp lý.

Ngày 22/11/2019, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tiếp tục nhận được đơn đề nghị khôi phục chế độ Thương binh của ông Đỗ Trọng N do Văn phòng UBND tỉnh chuyển đến tại Văn bản số 873/VP-KGVX. Sau khi nghiên cứu đơn có nội dung: ông N kiến nghị Sở Lao động - Thương binh và Xã hội thực hiện việc khôi phục chế độ thương binh đối với ông theo Công văn số 456/BTL-CCT ngày 31/7/2015 của Bộ Tư lệnh Quân khu 2 về việc đề nghị tiếp tục chi trả chế độ trợ cấp ưu đãi Thương binh và Công văn số 3114/PCT-BCS ngày 02/11/2015 của Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh Phú Thọ về việc đề nghị tiếp tục chi trả chế độ trợ cấp ưu đãi Thương binh, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh Phú Thọ đã có Công văn số 2580/SLĐTBXH-NCC ngày 19/12/2019 (Lưu trữ tại sổ quản lý văn bản đi của Sở ghi ngày 19/12/2019, ghi trên văn bản giấy phát hành ngày 19/10/2019 do lỗi rà soát của nhân viên Văn thư cơ quan) chuyển đơn của ông Đỗ Trọng N đến Cục Chính trị Quân khu 2 và Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh (cơ quan xác lập hồ sơ thương binh ban đầu) để trả lời, hướng dẫn ông Đỗ Trọng N theo các quy định tại Văn bản số 5360/TB-LĐTBXH ngày 21/12/2018 và Văn bản số 2699/LĐTBXH-TTr ngày 08/7/2019 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh Phú Thọ không thực hiện kiến nghị của Bộ Tư lệnh Quân khu 2 và Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh Phú Thọ theo 02 văn bản nêu trên là do: Điểm b. khoản 2. mục 11, Thông báo số 5360/TB-LĐTBXH ngày 21/12/2018 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội nêu rõ *“Đối với các hồ sơ được xác lập trên cơ sở giấy tờ gốc mà kết quả giám định kỹ thuật hình sự xác định tài liệu là khai man hoặc giả mạo nay bổ sung giấy tờ thì không xem xét việc khôi phục; Trường hợp bổ sung hồ sơ, tài liệu gốc có ghi bị thương đảm bảo tính pháp lý thì Bộ Chỉ huy quân sự các tỉnh, thành phố tổng hợp, thẩm định, nếu đủ điều kiện thì hướng dẫn lập hồ sơ mới theo quy định hiện hành”*. Đồng thời tại điểm 2.1, khoản 2 Văn bản số 2699/LĐTBXH-TTr ngày 08/7/2019 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc thực hiện kết luận thanh tra và văn bản kiến nghị xử lý tiếp theo có nội dung: *“Không nhất trí với kiến nghị của Bộ Tư lệnh Quân khu 2 về việc khôi phục chế độ thương binh đối với các trường hợp còn mảnh kim khí trong cơ thể, do không có cơ sở để xem xét”*. Do đó, nội dung Văn bản số 564/BTL-CCT ngày 31/7/2015 của Bộ Tư lệnh

Quân khu 2 về việc đề nghị tiếp tục chi trả chế độ trợ cấp ưu đãi Thương binh chưa đảm bảo các căn cứ pháp lý theo quy định, vì Bộ Tư lệnh quân khu 2 là đơn vị xác lập hồ sơ, việc khôi phục chế độ đối với các trường hợp đã bị đình chỉ theo kết luận Thanh tra phải được sự đồng ý của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và Bộ Quốc phòng. Do vậy, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội không có căn cứ để khôi phục chế độ đối với ông Đỗ Trọng N.

Vì vậy, Văn bản số 1981/SLĐTBXH-NCC ngày 21/10/2019 của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh Phú Thọ đã trả lời và hướng dẫn ông Đỗ Trọng N chấp hành các quy định của Nhà nước về thực hiện Pháp lệnh ưu đãi người có công, Kết luận số 106/KL-TTr ngày 10/5/2012, văn bản 403/TTr-NCC ngày 15/11/2012 của Thanh tra Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội là đúng thẩm quyền và quy định hiện hành.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là Thanh tra Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội trình bày:

Ông Đỗ Trọng N được cơ quan quân đội xác lập hồ sơ Thương binh trên cơ sở Giấy chứng nhận bị thương đề ngày 21/6/1976; Quyết định phục viên số 173 ngày 31/12/1977. Hai tài liệu gốc để chứng minh thời gian tham gia chiến đấu, bị thương để làm căn cứ lập hồ sơ, hưởng chế độ thương binh, nhưng kết quả giám định kỹ thuật hình sự đã xác định tài liệu không đảm bảo tính pháp lý, cụ thể: Tại Thông báo số 42/TB-GĐKTHS ngày 23/7/2012, Phòng giám định kỹ thuật hình sự - Bộ quốc phòng xác định kết quả giám định Giấy chứng nhận bị thương đề ngày 21/6/1976; Quyết định phục viên số 173 ngày 31/12/1977 của ông Đỗ Trọng N như sau:

- Giấy chứng nhận bị thương đề ngày 21/6/1976: Tại mục ghi đồng chí “Đỗ Trọng N” ở dòng 3 có sự tô viết lại từ chữ “Đồ Trọng N1”; phần tổ chức giấy ở lề trái gần mục “các vết thương” và tại góc dưới bên trái bị tẩy xóa và xé rách mất thông tin.

- Quyết định phục viên số 173 đề ngày 31/12/1977: Tại mục nay chuẩn y cho đồng chí “Đỗ Trọng N” ở dòng 2 được sửa từ chữ “Đồ Trọng N1”; tại điều 2 còn ghi đơn vị đã giải quyết mọi quyền lợi “Phục viên” cho đồng chí “N1” tại điều 3 ghi những người chịu trách nhiệm thi hành có ghi “đ/c N1”.

- Tên đơn vị công tác trên Giấy chứng nhận bị thương ghi “C7 D8 E3”, trên Quyết định phục viên ghi “C7 D8 E8”.

Vì vậy, tại Công văn số 403/TTr-NCC ngày 15/11/2012 về kiến nghị biện pháp xử lý tiếp theo Kết luận thanh tra số 106/KL-TTr ngày 10/5/2012, Chánh Thanh tra Bộ LĐTBXH đã yêu cầu Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh Phú Thọ ban hành quyết định đình chỉ và thu hồi chế độ Thương binh đã hưởng sai đối với ông Đỗ Trọng N là đúng quy định của pháp luật.

Tại Bản án hành chính thẩm số 19/2021/HC-ST ngày 29/9/2021, Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ đã quyết định:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đỗ Trọng N:

+ Hủy Quyết định số 11/QĐ-LĐTBXH ngày 27/6/2012 của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh Phú Thọ đã ban hành về việc tạm dừng chế độ trợ cấp và các quyền lợi ưu đãi thương binh đối với ông Đỗ Trọng N.

+ Hủy Văn bản số 1981/SLĐTBXH-NCC ngày 21/10/2019 của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội về việc giải quyết đơn của ông Đỗ Trọng N.

+ Buộc Sở Lao động thương binh và xã hội phục hồi chế độ trợ cấp và các quyền lợi ưu đãi thương binh đối với ông Đỗ Trọng N từ ngày 01/7/2022 theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra, Bản án còn quyết định về án phí và thông báo quyền kháng cáo của đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 12/10/2021, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh Phú Thọ có đơn kháng cáo không đồng ý bản án sơ thẩm, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đỗ Trọng N đề nghị hủy Quyết định số 11/QĐ-LĐTBXH ngày 27/6/2012 và Văn bản số 1981/SLĐTBXH-NCC ngày 21/10/2019 của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh Phú Thọ.

Ngày 13/10/2021, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ có Quyết định số 391/QĐKNPT-VKS-HC kháng nghị toàn bộ bản án hành chính sơ thẩm số 19/2021/HC-ST ngày 29/9/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người khởi kiện là ông Đỗ Trọng N giữ nguyên quan điểm đã trình bày trong quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án cấp sơ thẩm, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh Phú Thọ và kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ, đề nghị trả lại chế độ Thương binh cho ông, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Người bị kiện là Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh Phú Thọ và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Thanh tra Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội vắng mặt tại phiên tòa và có văn bản thể hiện quan điểm giữ nguyên các ý kiến đã trình bày tại Tòa án cấp sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội sau khi phân tích nội dung vụ án, ý kiến trình bày của ông Đỗ Trọng N và các văn bản trình bày ý kiến kháng cáo của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh Phú Thọ và quan điểm của Thanh tra Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội có nội dung thể hiện giữ nguyên quan điểm đã trình bày tại Tòa án cấp sơ thẩm đã kết luận: Giữ nguyên quyết định kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của Sở Lao động - Thương

binh và Xã hội tỉnh Phú Thọ, chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ, sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đỗ Trọng N.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu; chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã thẩm tra tại phiên tòa; kết quả tranh luận và trình bày của đương sự; ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa; Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về thời hiệu khởi kiện:

Ngày 10/3/2020, ông Đỗ Trọng Nhậm có đơn khởi kiện hủy Văn bản số 1981/SLĐTBXH-NCC ngày 21/10/2019 của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội về việc giải quyết đơn của ông Đỗ Trọng N, đề nghị trả lại chế độ Thương binh cho ông. Ngày 15/5/2020, ông N rút đơn khởi kiện với lý do tại biên bản làm việc ngày 14/5/2020 giữa ông N với đoàn của Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Phú Thọ tại trụ sở UBND xã Hanh C, huyện Thanh B, tỉnh Phú Thọ về nội dung liên quan đến tạm dừng chế độ Thương binh của ông, Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Phú Thọ tiếp tục đề nghị cấp trên xem xét giải quyết, tháo gỡ khó khăn đối với trường hợp của ông. Tuy nhiên, quyền lợi của ông vẫn không được giải quyết nên ngày 01/6/2021, ông Đỗ Trọng N có đơn khởi kiện yêu cầu hủy Văn bản số 1981/SLĐTBXH-NCC ngày 21/10/2019 của Sở Lao động, Thương binh & xã hội tỉnh Phú Thọ. Như vậy, ông N có đơn khiếu nại liên quan đến việc tạm dừng chế độ Thương Binh của ông và đã khởi kiện trong thời hiệu quy định, nhưng vì lý do Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Phú Thọ đã tổ chức làm việc với ông N và có văn bản đề nghị cấp trên xem xét giải quyết đối với trường hợp của ông N nên ông N rút đơn khởi kiện. Tuy nhiên, do không có kết quả giải quyết khôi phục lại quyền lợi, chế độ Thương binh cho ông Đỗ Trọng N nên ông N lại tiếp tục khởi kiện nên xác định trường hợp khởi kiện của ông Nhậm thuộc trở ngại khách quan theo khoản 4 Điều 116 Luật Tố tụng hành chính. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm xác định khởi kiện của ông Đỗ Trọng N nằm trong thời hiệu khởi kiện theo quy định tại điểm a, khoản 2, Điều 116 Luật Tố tụng hành chính là có căn cứ.

[1.2] Đối tượng khởi kiện vụ án hành chính:

Văn bản số 1981/SLĐTBXH-NCC ngày 21/10/2019 của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh Phú Thọ về việc giải quyết đơn của ông Đỗ Trọng N ở xã Thanh V, huyện Thanh B, tỉnh Phú Thọ liên quan đến việc đề nghị xem xét, khôi phục chế độ Thương Binh của ông N. Mặc dù ông Đỗ Trọng N không khởi kiện Quyết định số 11/QĐ-SLĐTBXH ngày 27/6/2012 của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh Phú Thọ về việc tạm dừng trợ cấp và các quyền lợi ưu đãi đối với Thương Binh đối với ông N (BL86), nhưng quyết định này ảnh

hưởng trực tiếp đến quyền lợi của ông N và có liên quan đến Kết luận thanh tra, kết luận giám định và Văn bản số 1981/SLĐTBXH-NCC ngày 21/10/2019 của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh Phú Thọ mà ông N khởi kiện nên Tòa án cấp sơ thẩm xem xét giải quyết Quyết định số 11/QĐ-SLĐTBXH ngày 27/6/2012 của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh Phú Thọ là đúng với quy định tại Điều 5 Mục V Giải đáp số 01/2017/GĐ-TANDTC ngày 07/4/2017 của Tòa án nhân dân tối cao.

[1.3] Thẩm quyền thụ lý, giải quyết của Tòa án:

Toà án nhân dân tỉnh Phú Thọ thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 30; khoản 3 Điều 32 Luật tổ tụng hành chính.

[1.3]. Đơn kháng cáo của đương sự:

Ngày 12/10/2021 và ngày 13/10/2021, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh Phú Thọ có đơn kháng cáo hợp lệ và đã nộp tiền tạm ứng án phí theo quy định tại các Điều 205, 206, Điều 209 Luật Tổ tụng hành chính. Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ có Quyết định kháng nghị đảm bảo thời hạn nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về nội dung:

Xét Kháng nghị số 391/QĐKNPT-VKS-HC ngày 13/10/2021 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ và kháng cáo của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh Phú Thọ đối với bản án sơ thẩm. Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy:

[2.1] Về tố tụng:

- Kháng nghị cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm vi phạm quy định về tổng đạt các văn bản tố tụng và áp dụng pháp luật thấy: Mặc dù hồ sơ thể hiện không có văn bản tổng đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử phiên tòa (lần 1) ngày 22/9/2021 cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án là Chánh thanh tra Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, nhưng trước thời điểm mở phiên tòa lần 1, người đại diện theo ủy quyền của Chánh thanh tra Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội đã có đơn xin vắng mặt tại các phiên tòa và việc hoãn phiên tòa ngày 22/9/2021 là do vắng mặt người khởi kiện là ông Đỗ Trọng N. Tại phiên tòa mở lần thứ 2 ngày 29/9/2021, người bị kiện và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều có đơn xin xét xử vắng mặt nên Tòa án cấp sơ thẩm tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự này là đúng quy định tại khoản 1 Điều 158 Luật Tổ tụng hành chính. Việc Tòa án cấp sơ thẩm không nhận định căn cứ xét xử vắng mặt là chưa đầy đủ và chặt chẽ. Xét thấy những thiếu sót về việc tổng đạt và áp dụng pháp luật mà kháng nghị nêu không làm ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của đương sự, không làm thay đổi bản chất nội dung vụ án nên kháng nghị về những vấn đề nêu trên là không cần thiết. Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm cần rút

kinh nghiệm trong quá trình giải quyết vụ án để thực hiện việc áp dụng pháp luật được đầy đủ, chính xác.

Đối với kháng nghị cho rằng Tòa án sơ thẩm giải quyết vượt quá phạm vi khởi kiện thấy: Mặc dù tại đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, ông Đỗ Trọng N chỉ yêu cầu hủy Văn bản số 1981/SLĐTBXH-NCC ngày 21/10/2019 của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh Phú Thọ, nhưng căn cứ Điều 5 Mục V Giải đáp số 01/2017/GĐ-TANDTC ngày 07/4/2017 của Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn “...trong quá trình xét xử, Hội đồng xét xử có thẩm quyền xem xét tính hợp pháp đối với tất cả các quyết định hành chính khác có liên quan đến quyết định hành chính bị khởi kiện mà không phụ thuộc vào việc các quyết định này còn hay hết thời hiệu khởi kiện”. Do Quyết định số 11/QĐ-SLĐTBXH ngày 27/6/2012 của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh Phú Thọ tạm dừng trợ cấp Thương Binh đối với ông N, ảnh hưởng trực tiếp đến quyền lợi của ông N và có liên quan đến Văn bản số 1981/SLĐTBXH-NCC ngày 21/10/2019 của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh Phú Thọ mà ông N khởi kiện nên Tòa án cấp sơ thẩm xem xét tính hợp pháp của Quyết định số 11/QĐ-SLĐTBXH ngày 27/6/2012 của Giám đốc Sở Lao động, Thương binh & xã hội tỉnh Phú Thọ là văn bản liên quan là có cơ sở, không giải quyết vượt quá phạm vi khởi kiện như kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ nêu ra.

[2.2] Về nội dung

Xét tính hợp pháp của Văn bản số 1981/SLĐTBXH-NCC ngày 21/10/2019 của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh Phú Thọ:

* Về thẩm quyền ban hành:

Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh Phú Thọ ban hành Văn bản số 1981/SLĐTBXH-NCC ngày 21/10/2019 về việc giải quyết đơn của ông Đỗ Trọng N là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 19 Luật Khiếu nại năm 2011.

* Về trình tự, thủ tục giải quyết đơn đề nghị: Sau khi nhận được đơn đề nghị được tiếp tục hưởng chế độ trợ cấp ưu đãi Thương Binh của ông N. Ngày 07/10/2019 và ngày 22/11/2019, Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Thọ đã có Văn bản số 696/VP-KGVX và số 873/VP-KGVX giao cho Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh Phú Thọ xem xét, giải quyết và trả lời công dân. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh Phú Thọ đã thụ lý và xem xét, xử lý giải quyết đơn của ông N.

Ngày 21/10/2019, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh Phú Thọ ban hành Văn bản số 1981/SLĐTBXH-NCC về việc giải quyết đơn của ông Đỗ Trọng N là đảm bảo đúng trình tự, thủ tục quy định về giải quyết chế độ, chính sách đối với người có công.

* Về nội dung văn bản:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ thể hiện: Ông Đỗ Trọng N tham gia nhập ngũ tháng 5/1972, xuất ngũ phục viên năm 1977. Năm 2000, ông Đỗ Trọng Nhậm có đơn đề nghị giám định để được hưởng chế độ thương tật (BL184), UBND xã Thanh V và các tổ chức đoàn thể tại địa phương có biên bản đề nghị xác nhận Thương Binh cho ông Nhậm (BL182). Ngày 20/3/2002, Bộ Tư lệnh Quân khu 2 có Quyết định số 106/QĐ-QK2 về việc cấp giấy chứng nhận và trợ cấp ưu đãi Thương binh đối với ông Đỗ Trọng N theo tỉ lệ mất sức lao động 21% (BL123). Năm 2012, Thanh tra Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội tiến hành thanh tra việc thực hiện chính sách ưu đãi người có công với Cách mạng tại địa bàn tỉnh Phú Thọ và đã đề nghị trung cầu giám định kỹ thuật hình sự tài liệu gốc để làm căn cứ xét hưởng chế độ đối với 41 trường hợp có nghi vấn tẩy xóa, sửa chữa. Sau khi có kết quả giám định kỹ thuật hình sự, Thanh tra Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội đã có Tờ trình số 403/TTr-NCC ngày 15/11/2012 (BL64) đề nghị Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh Phú Thọ báo cáo UBND tỉnh Phú Thọ ban hành quyết định đình chỉ trợ cấp và thu hồi sổ tiền đã hưởng sai quy định đối với 35 trường hợp trong đó có ông Đỗ Trọng N. Trên cơ sở các văn bản nêu trên, ngày 27/6/2012 của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh Phú Thọ đã ban hành Quyết định số 11/QĐ-SLĐTBXH về việc tạm dừng trợ cấp và các quyền lợi ưu đãi đối với Thương binh đối với ông Đỗ Trọng N nên ông Nhậm có nhiều đơn gửi các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền đề nghị khôi phục lại chế độ Thương binh cho ông. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh Phú Thọ đã căn cứ Kết luận thanh tra số 106/KL-TTr ngày 10/5/2012; Tờ trình số 403/TTr-NCC ngày 15/11/2012 của Thanh tra Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội; Văn bản số 5360/TB-LĐTBXH ngày 21/12/2018 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội để không chấp nhận đề nghị xem xét khôi phục chế độ Thương binh cho ông N.

Tuy nhiên, căn cứ Lý lịch quân nhân ngày 15/7/1976 của ông N thể hiện ông Đỗ Trọng N tham gia nhập ngũ ngày 13/5/1972; ngày vào chiến trường 06/8/1972; đơn vị C7, D8, E3, F324; có bố là Đỗ Trọng N2 và mẹ là Nguyễn Thị H (BL111); Sổ danh sách Thương binh của Sư đoàn 324 nơi ông N công tác và tham gia chiến đấu có tên ông Đỗ Trọng N (BL189); Giấy xác nhận bị thương số 2036/GXN-CT ngày 23/9/2021 của Phòng chính trị Sư đoàn 324 về việc ông N bị thương khi tham gia chiến đấu tại đơn vị C7, D8, E3, F324 (BL190); Kỉ niệm chương và Huy hiệu chiến dịch Hồ Chí Minh của Sư đoàn 324 tặng đồng chí Đỗ Trọng N (BL116, 117); Giấy chứng nhận Huân chương số 69/QĐ ngày 02/9/1975 của Quân giải phóng miền Nam - Quân khu Trị Thiên chứng nhận đồng chí Đỗ Trọng Nh, sinh năm 1949, đơn vị C7, D8, E3, F324, quê quán Thanh V, Thanh B, Vĩnh Phú được tặng thưởng Huân chương chiến sĩ giải phóng (BL120); Giấy chứng minh quân đội của ông Đỗ Trọng N cấp ngày 09/6/1975 (BL06); biên bản xác minh tại UBND xã Hanh C (trước đây là UBND xã Thanh V) và giấy xác nhận ngày 12/05/2020 của UBND xã Hanh C (trước đây là UBND

xã Thanh V) có nội dung thể hiện “ông Đỗ Trọng N, sinh năm 1949, nhập ngũ 13/5/1972, phục viên về địa phương ngày 31/12/1977; có bố là Đỗ Trọng N2 và mẹ là Nguyễn Thị H đi bộ đội khoảng năm 1972 là đúng và trở về địa phương khoảng năm 1975-1976; thời gian đó xã Thanh V chỉ có ông Đỗ Trọng N nhập ngũ, không có ai là Đỗ Trọng N1” (BL01, 175); đơn đề nghị của những người cùng đơn vị chiến đấu với ông Đỗ Trọng N tại C7, D8, E3, F324 xác nhận ông Đỗ Trọng N có tham gia chiến đấu tại chiến trường Thừa Thiên Huế và bị thương nhiều lần (BL188) có đủ cơ sở xác định có ông Đỗ Trọng N, sinh năm 1949, địa chỉ tại xã Thanh V, huyện Thanh B, tỉnh Vĩnh Phú (cũ) nhập ngũ ngày 13/5/1972, ngày vào chiến trường 06/8/1972, đơn vị C7, D8, E3, F324 như Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, phiên tòa phúc thẩm ông N đều khẳng định ông không tẩy xóa hoặc viết thêm vào các giấy tờ liên quan đến xét hưởng chế độ Thương binh của ông, không biết ai sửa chữa giấy tờ, tài liệu này. Ông N xác nhận ông có được nhận bản chính quyết định phục viên và tại Điều 1 quyết định này thể hiện đúng họ tên của ông là Đỗ Trọng N, ông không để ý các điều tiếp theo (Điều 2, Điều 3) trong quyết định nên không biết các điều này lại ghi tên ông là N1. Đối với giấy chứng nhận bị thương năm 1976, ông không được nhận bản chính, chỉ giữ bản sao nên không biết ai là người viết các thông tin tại văn bản này. Thực tế sau khi bị dừng hưởng chế độ trợ cấp Thương binh, ông N đã được Bộ tư lệnh Quân Khu 2 cho đi giám định lại và xác định trong cơ thể ông có mảnh kim khí nên Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Phú Thọ đã phối hợp với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội thống nhất đề nghị Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội xem xét cho khôi phục chế độ những trường hợp trong cơ thể còn mảnh kim khí, nhưng chưa được Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội đồng ý cho khôi phục lại chế độ trợ cấp hàng tháng cho ông N (BL95, 15).

Tại Báo cáo số 876/BC-BTL ngày 12/10/2015, Bộ Tư lệnh Quân Khu 2 cũng đề nghị Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội - Bộ Quốc Phòng đồng ý cho 36 trường hợp hiện nay trên cơ thể còn mảnh kim khí do chiến tranh để lại (đây là bằng chứng xác thực nhất chứng minh các đối tượng trực tiếp tham gia chiến đấu và bị thương), trong đó có ông N tiếp tục được hưởng chế độ trợ cấp Thương binh theo phương án của Quân Khu (BL194). Tại Công văn số 315/BTL-CCT ngày 10/5/2019, Bộ Tư lệnh Quân khu 2 đề nghị Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội - Bộ Quốc Phòng giải quyết vận dụng tiếp tục cho hưởng đối với hồ sơ Thương binh sai phạm đã bổ sung được các giấy tờ, tài liệu đủ căn cứ chứng minh tham gia chiến đấu, bị thương. Các đối tượng trên cơ thể còn mảnh kim khí, vết thương thực thể trùng khớp với hồ sơ giám định ban đầu (BL137).

Từ những căn cứ nêu trên thể hiện việc ông Đỗ Trọng N tham gia kháng chiến và bị thương là có thật. Mặc dù Kết luận giám định hình sự kết luận giấy chứng nhận bị thương ngày 21/6/1976 và quyết định phục viên số 173 ngày

31/12/1977 của ông Đỗ Trọng N có sự tô viết lại chữ “Đỗ Trọng N1” thành “Đỗ Trọng N” và tên đơn vị công tác tại 02 văn bản trên có sự khác nhau về E3 và E8 để xác định các giấy tờ gốc có liên quan đến xét hưởng trợ cấp không đảm bảo tính pháp lý như có nghi vấn tẩy xóa nội dung cũ, viết lại nội dung mới...), nhưng các giấy tờ này do cơ quan có thẩm quyền cấp trong thời kỳ chiến tranh vừa kết thúc, ông N không được giữ các tài liệu gốc làm căn cứ để xét hưởng chế độ, không phải là người sửa chữa, tẩy xóa các tài liệu này, việc tô viết lại chữ là tên ông N và thông tin tên trung đoàn ông N tham gia chiến đấu không phải do lỗi của ông N nên ông N không thuộc trường hợp khai man, giả mạo để trục lợi hưởng chế độ, chính sách ưu đãi của Nhà nước đối với người có công mà do sai sót, nhầm lẫn của cán bộ giải quyết hồ sơ chế độ, chính sách tại thời điểm đó. Tại Biên bản xác minh ngày 15/9/2021, Phòng chính sách Cục chính trị Bộ Tư lệnh Quân khu 2 khẳng định việc xác lập chế độ Thương binh của ông N được thực hiện theo đúng quy định của pháp luật (BL186).

Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy mặc dù hồ sơ giấy tờ liên quan đến xét hưởng chế độ của ông N có sự sửa chữa, nhưng việc sửa chữa giấy tờ nêu trên không làm thay đổi sự thật là ông N có tham gia chiến đấu và bị thương. Các vết thương của ông N tại giấy chứng nhận bị thương ngày 21/6/1976 phù hợp với kết quả giám định lần đầu và giám định lại năm 2015 của Hội đồng giám định y khoa Bộ Tư lệnh Quân Khu 2. Các cơ quan Nhà nước không chứng minh được ông N làm giả giấy tờ, việc sai sót thủ tục giấy tờ thuộc trách nhiệm của cơ quan có thẩm quyền trong giai đoạn chiến tranh vừa kết thúc, đây là những sai sót, hậu quả do lịch sử để lại cần được khắc phục, bù đắp phần nào những cống hiến, hy sinh quên mình và để lại một phần xương thịt tại chiến trường để bảo vệ Tổ quốc như trường hợp của ông N. Những đồng đội tham gia chiến đấu cùng đơn vị với ông N, các đoàn thể chính quyền địa phương và Bộ Tư lệnh Quân khu 2 có nhiều văn bản xác nhận ông N có tham gia quân đội, bị thương và hiện tại trong cơ thể ông N vẫn còn mảnh kim khí là bằng chứng xác thực chứng minh ông N bị thương khi tham gia chiến đấu bảo vệ Tổ quốc, đề nghị tiếp tục khôi phục chế độ trợ cấp Thương binh cho ông N. Thực tế các thông tin nhân thân và các giấy tờ khác của ông Đỗ Trọng N như lý lịch quân nhân, danh sách quân nhân bị thương, vị trí các vết thương, kết quả giám định thương tật... đều trùng khớp với hồ sơ xác lập ban đầu nên có đủ cơ sở xác định có ông Đỗ Trọng N tham gia kháng chiến và bị thương, việc sai sót giấy tờ là do cơ quan có thẩm quyền tại thời điểm chiến tranh vừa kết thúc thực hiện nên sẽ không tránh được những sai sót, nhầm lẫn; không phải ông N sửa chữa nên ông N không thuộc trường hợp khai man, làm giả để trục lợi hưởng chế độ Thương binh không đúng quy định.

Từ những lập luận phân tích nêu trên cho thấy những sai sót về giấy tờ, tài liệu xét hưởng chế độ của ông N là do lịch sử để lại được chứng minh bằng xác nhận của Sư đoàn 324 nơi ông N tham gia chiến đấu, ông N có tên trong sổ danh sách Thương binh của Sư đoàn 324 tại thời điểm đó, vết thương trên cơ thể ông N, các huy chương chiến công ông N được tặng thưởng trong quá trình tham gia chiến đấu và xác nhận của các đồng đội cùng đơn vị với ông N nên cần khắc

phục, sửa sai để đảm bảo quyền lợi chính đáng, hợp pháp và tri ân những người có công với đất nước như ông N. Mặt khác, các tài liệu, giấy tờ này được xác lập tại thời điểm chiến tranh vừa kết thúc nên sai sót, nhầm lẫn trong quá trình làm thủ tục, giấy tờ là không tránh khỏi. Do đó, khi xem xét giải quyết chế độ, chính sách đối với người có công không thể căn cứ duy nhất vào tài liệu, giấy tờ làm căn cứ xét hưởng chế độ mà cần xem xét, đánh giá tổng thể các điều kiện thực tế, hoàn cảnh lịch sử để làm cơ sở xác định chính xác đối tượng được hưởng chế độ, chính sách ưu đãi của Nhà nước hay thuộc trường hợp khai man, gian lận để trực lợi nhằm tránh trường hợp cắt, chấm dứt hưởng chế độ, quyền lợi ưu đãi không đúng, gây bức xúc và làm mất lòng tin của những người có công với đất nước. Việc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh Phú Thọ chỉ căn cứ vào Kết luận thanh tra số 106/KL-TTr ngày 10/5/2012 của Thanh Tra Bộ Lao động, Thương binh & xã hội và kết luận giám định để không xem xét khôi phục chế độ Thương binh cho ông N là ảnh hưởng đến quyền lợi hợp pháp của ông N, làm mất đi ý nghĩa tri ân và các chính sách mang tính nhân văn để bù đắp những hy sinh, cống hiến của những người có công với đất nước, giảm bớt phần nào những khó khăn cho các đối tượng chính sách mà Đảng và Nhà Nước ta đã và đang thực hiện.

Xét tính hợp pháp của Quyết định số 11/QĐ-SLĐTBXH ngày 27/6/2012 của Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh Phú Thọ: Mặc dù Quyết định số 11/QĐ-SLĐTBXH ngày 27/6/2012 của Giám đốc Sở Lao động, Thương binh & xã hội tỉnh Phú Thọ được ban hành đúng thẩm quyền và thể thức văn bản. Tuy nhiên, căn cứ ban hành và nội dung quyết định dựa trên Kết luận thanh tra số 106/KL-TTr ngày 10/5/2012 của Thanh Tra Bộ Lao động, Thương binh & xã hội và kết luận giám định để tạm dừng chi trả trợ cấp thương Binh hàng tháng đối với ông N mà không xem xét đến các tài liệu, chứng cứ khác như đã phân tích nêu trên nên quyết định này đã ảnh hưởng trực tiếp đến quyền lợi hợp pháp của ông N. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm đã hủy quyết định này là đúng. Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm không nhận định về tính hợp pháp, tính có căn cứ của Quyết định số 11/QĐ-SLĐTBXH ngày 27/6/2012 của Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh Phú Thọ là thiếu sót nên cần nghiêm túc rút kinh nghiệm khi xem xét giải quyết quyết định hành chính có liên quan đến quyết định bị khởi kiện.

Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông N, hủy Văn bản số 1981/SLĐTBXH-NCC ngày 21/10/2019 của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh Phú Thọ, hủy Quyết định số 11/QĐ-SLĐTBXH ngày 27/6/2012 của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh Phú Thọ; buộc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh Phú Thọ phục hồi chế độ trợ cấp và các quyền lợi ưu đãi Thương binh đối với ông Nhậm từ ngày 01/7/2012 theo quy định của pháp luật là hợp tình, hợp lý, khắc phục được hậu quả do lịch sử chiến tranh để lại và phù hợp với chính sách ưu đãi người có công của Đảng và Nhà nước ta hiện nay. Do đó, kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ và kháng cáo của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh Phú Thọ đề nghị sửa án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đỗ Trọng N; đề nghị

không hủy Văn bản số 1981/SLĐTBXH-NCC ngày 21/10/2019 của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh Phú Thọ và không hủy Quyết định số 11/QĐ-SLĐTBXH ngày 27/6/2012 của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh Phú Thọ là không có căn cứ chấp nhận.

Về án phí: Do kháng cáo không được chấp nhận nên Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh Phú Thọ phải chịu án phí hành chính phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật tổ tụng hành chính 2015; Điều 34 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận Kháng nghị số 391/QĐKNPT-VKS-HC ngày 13/10/2021 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ; không chấp nhận kháng cáo của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh Phú Thọ; giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 19/2021/HC-ST ngày 29/9/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ.

2. Về án phí: Sở Lao động - Thương binh và xã hội tỉnh Phú Thọ phải chịu 300.000 đồng án phí hành chính phúc thẩm, được đối trừ số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000038 ngày 26/10/2021 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Phú Thọ.

3. Các quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

CÁC THẨM PHÁN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Minh Tuấn

Đặng Văn Hưng

Nguyễn Phương Hạnh

Nơi nhận:

- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND tỉnh Phú Thọ;
- Cục THADS tỉnh Phú Thọ;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu HS, HCTP.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Phương Hạnh

